

Số: 45 /2019/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 23 tháng 8 năm 2019

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định

SỞ TƯ PHÁP	
ĐẾN	Số: 3373
	Ngày 29/8/2019
Chuyên:	
Lưu hồ sơ số:	

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng: Bộ Y Tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương về việc hướng dẫn phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn nhiệm vụ các chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*Thực hiện Quyết định số 3408/QĐ-BNN-QLCL ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân công tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển*

nông thôn; Quyết định số 1290/QĐ-BNN-TCCB ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân công, phân cấp trong hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các Chi cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Định, gồm: Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản; Chăn nuôi và Thú y; Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Thủy sản; Thủy lợi; Kiểm lâm.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bình Định.

### **Điều 3. Nội dung phân công, phân cấp**

Phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định, bao gồm:

1. Phân công, phân cấp nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất ban đầu nông lâm thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm (kèm theo Phụ lục I).

2. Phân công, phân cấp nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản (kèm theo Phụ lục II).

3. Phân công, phân cấp nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp (giống nông nghiệp, giống lâm nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học dùng trong thú y, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý, chất cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản) và nước sinh hoạt nông thôn thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nếu có); đồng thời phân công, phân cấp như sau:

a) Các Chi cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các cơ sở sản xuất, kinh doanh có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Đối với nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát ở công đoạn lưu thông, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập) và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm nông lâm thủy sản thực hiện theo Quyết định số 1290/QĐ-BNN-TCCB ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân công, phân cấp trong hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

#### **Điều 4. Nguyên tắc phân công và phối hợp trong triển khai hoạt động kiểm tra, giám sát và thanh tra chuyên ngành**

1. Một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự kiểm tra, giám sát và thanh tra chuyên ngành bởi một cơ quan. Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thì phân công một cơ quan chủ trì, cơ quan liên quan tham gia phối hợp theo yêu cầu của cơ quan chủ trì. Cơ quan được giao chủ trì chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra và có trách nhiệm giải trình với cơ quan cấp trên về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý.

2. Hoạt động kiểm tra, thanh tra chuyên ngành phải bảo đảm không chồng chéo giữa các cơ quan trong ngành, giữa cấp tỉnh và cấp huyện; bảo đảm thống nhất từ tỉnh đến huyện, thị xã, thành phố. Trường hợp có sự trùng lặp kế hoạch kiểm tra, thanh tra chuyên ngành thì thực hiện như sau:

a) Kế hoạch kiểm tra của cơ quan cấp huyện trùng với kế hoạch của cơ quan cấp tỉnh thì thực hiện theo kế hoạch kiểm tra, thanh tra chuyên ngành của cơ quan cấp tỉnh.

b) Kế hoạch kiểm tra, thanh tra chuyên ngành của cơ quan cùng cấp trùng nhau về địa bàn, cơ sở thì các bên trao đổi thống nhất thành lập đoàn liên ngành.

3. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp thì báo cáo cơ quan cấp trên xin ý kiến giải quyết.

#### **Điều 5. Nhiệm vụ của các cơ quan được phân công**

1. Các cơ quan được phân công, phân cấp theo quy định tại Điều 3 của Quyết định này có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, chất lượng vật tư nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn quản lý theo quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm; Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

thực phẩm nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và các quy định khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (giấy chứng nhận an toàn thực phẩm) thực hiện theo nguyên tắc cơ quan nào thẩm định thì cơ quan đó cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm. Trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận an toàn thực phẩm thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm thực hiện theo nguyên tắc cơ quan nào cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm thì cơ quan đó cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm. Hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm, quy trình xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm, quản lý giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm thực hiện theo Điều 10, 11 và 12 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng: Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương về việc hướng dẫn phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

## **Điều 6. Chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất**

1. Thực hiện việc chia sẻ thông tin giữa các cơ quan trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giữa cấp tỉnh và cấp huyện từ lập kế hoạch đến thực hiện kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành thông qua Website của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Website của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

2. Thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng danh sách các cơ sở đủ điều kiện và chưa đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, cơ sở chưa thực hiện tốt việc quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn thuộc phạm vi phân công, phân cấp.

3. Tổng hợp báo cáo kết quả định kỳ và đột xuất

a) Các cơ quan được phân công, phân cấp theo quy định tại Điều 3 của Quyết định này có trách nhiệm báo cáo định kỳ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản) trước ngày 20 hàng tháng (riêng tháng 12 gửi báo cáo trước ngày 05) và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 25 hàng tháng (riêng tháng 12 gửi báo cáo trước ngày 10) và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

**Điều 7. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

## 1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, chất lượng vật tư nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn việc triển khai thực hiện Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm; Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; các quy định khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, chất lượng vật tư nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh.

c) Chỉ đạo các cơ quan chức năng trực thuộc Sở thực hiện thẩm định, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh theo phân cấp; tổ chức thanh tra chuyên ngành, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

d) Tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho cơ quan chuyên môn được phân công kiểm tra, giám sát cấp huyện và cán bộ được giao nhiệm vụ kiểm tra.

đ) Chỉ đạo việc thực hiện công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên Website của Sở danh sách các cơ sở đủ điều kiện và chưa đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, cơ sở chưa thực hiện tốt việc quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn thuộc phạm vi quản lý.

e) Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định tại điểm b, Khoản 3, Điều 6 của Quyết định này.

## 2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Trên cơ sở phân công, phân cấp quy định tại Điều 3 của Quyết định này và các quy định của pháp luật khác, thực hiện phân công nhiệm vụ cho cơ quan chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý; đồng thời, phân cấp quản lý cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn.

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, chất lượng vật tư nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn.

c) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn có chức năng thực hiện việc kiểm tra, ký cam kết của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn theo phân công, phân cấp.

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra việc tuân thủ các quy định về quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, chất lượng vật tư

nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.


đ) Chỉ đạo việc thực hiện công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng (đài truyền thanh) danh sách các cơ sở đủ điều kiện và chưa đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, cơ sở chưa thực hiện tốt việc quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn thuộc phạm vi quản lý.

e) Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định tại điểm a, Khoản 3, Điều 6 của Quyết định này.


### **Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2019 và thay thế Quyết định 28/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng vật tư nông nghiệp, nước sinh hoạt nông thôn và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung nào chưa phù hợp hoặc phát sinh mới, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /: 

#### **Nơi nhận:**

- Như Khoản 3, Điều 8;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản QPPL);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lãnh đạo VP, CV;
- Lưu: VT, K10. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Châu**

**Phụ lục I**

**PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP NHIỆM VỤ THANH TRA, KIỂM TRA, GIÁM SÁT CƠ SỞ SẢN XUẤT BAN ĐẦU NÔNG LÂM THỦY SẢN ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

*(Kèm theo Quyết định số: 45 /2019/QĐ-UBND ngày 23/ 8 /2019 của UBND tỉnh Bình Định)*



Mục	LOẠI HÌNH CƠ SỞ	PHÂN CÔNG THỰC HIỆN	
		Quản lý đối với các cơ sở sản xuất có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Quản lý đối với các cơ sở sản xuất không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
		<i>Áp dụng các biểu mẫu tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018</i>	<i>Áp dụng các quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018</i>
1	Trại chăn nuôi gia cầm	<b>Chi cục Chăn nuôi và Thú y</b>	<b>UBND huyện, thị xã, thành phố</b>
2	Trại chăn nuôi lợn (heo)		
3	Trang trại chăn nuôi bò sữa		
4	Cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn		
5	Tàu cá	<b>Chi cục Thủy sản</b>	<b>UBND huyện, thị xã, thành phố</b>
6	Cơ sở nuôi trồng thủy sản thâm canh, bán thâm canh	Mục 5: Quản lý tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 m trở lên	Mục 5: Quản lý tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 15 m
7	Cơ sở sản xuất rau, quả, chè	<b>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</b>	<b>UBND huyện, thị xã, thành phố</b>
8	Cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm có nguồn gốc thực vật		
9	Cơ sở sản xuất muối nguyên liệu	<b>Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản</b>	<b>UBND huyện, thị xã, thành phố</b>

Ghi chú: *Nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành do Thanh tra Sở, các chi cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.*

**Phụ lục II**

**PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP NHIỆM VỤ THANH TRA, KIỂM TRA, GIÁM SÁT ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH NÔNG LÂM THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

(Kèm theo Quyết định số: 45 /2019/QĐ-UBND ngày 23/ 8 / 2019 của UBND tỉnh Bình Định)



Mục	LOẠI HÌNH CƠ SỞ	PHÂN CÔNG THỰC HIỆN	
		Quản lý đối với các cơ sở có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Quản lý đối với các cơ sở không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
<i>Áp dụng các biểu mẫu tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018, Thông 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018</i>			
1	Cơ sở giết mổ gia cầm	<b>Chi cục Chăn nuôi và Thú y</b>	<b>UBND huyện, thị xã, thành phố</b>
2	Cơ sở giết mổ gia súc		
3	Cơ sở thu gom, sơ chế, giết mổ sản phẩm có nguồn gốc từ động vật trên cạn		
4	Cơ sở kinh doanh sản phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn (chuyên doanh)		
5	Chợ đầu mối, đấu giá nguồn gốc động vật trên cạn		
6	Cơ sở sơ chế rau, quả ( <i>hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở trồng trọt</i> )	<b>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</b>	<b>UBND huyện, thị xã, thành phố</b>
7	Cơ sở thu gom, sơ chế sản phẩm có nguồn gốc thực vật ( <i>hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở trồng trọt</i> )		
8	Cảng cá	<b>Chi cục Thủy sản</b>	
9	Chợ cá	<b>Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản</b>	<b>UBND huyện, thị xã, thành phố</b>
10	Chợ đầu mối, đấu giá thủy sản		
11	Chợ đầu mối, đấu giá nông lâm sản (trừ sản phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn)		

Mục	LOẠI HÌNH CƠ SỞ	PHÂN CÔNG THỰC HIỆN	
		Quản lý đối với các cơ sở có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Quản lý đối với các cơ sở không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
		Áp dụng các biểu mẫu tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018, Thông 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018	
12	Cơ sở chuyên kinh doanh các sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật, thủy sản	Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	UBND huyện, thị xã, thành phố
13	Cơ sở thu mua thủy sản		
14	Cơ sở sơ chế, chế biến thủy sản		
15	Cơ sở sản xuất nước mắm, sản phẩm dạng mắm		
16	Cơ sở sản xuất thủy sản hàng khô		
17	Cơ sở sản xuất đồ hộp thủy sản		
18	Cơ sở sơ chế rau, quả (độc lập)		
19	Cơ sở chế biến rau quả (độc lập)		
20	Cơ sở chế biến chè (độc lập)		
21	Cơ sở chế biến điều		
22	Cơ sở chế biến cà phê nhân		
23	Cơ sở chế biến cà phê rang, cà phê rang xay (cà phê bột), cà phê hòa tan		
24	Các cơ sở chế biến nông lâm thủy sản (sản xuất thịt hộp, lạp xưởng, nem, chả, rong biển...)		
25	Kho lạnh bảo quản sản phẩm nông lâm thủy sản		
26	Cơ sở sản xuất nước đá phục vụ sản xuất và bảo quản nông thủy sản thực phẩm		
27	Cơ sở kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng sản phẩm thực phẩm nông lâm thủy sản (gắn với cơ sở kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản)		
28	Cơ sở sơ chế, chế biến muối ăn		

Ghi chú: Nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành do Thanh tra Sở, các chi cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.